

1 2 1
PHIẾU KIỂM SOÁT

- Họ và tên:

- ☒ Card
- ☐ ~~Thư~~ ~~bộ~~ ~~tư~~, cảm ơn
- ☐ Giấy ra trại
- ☒ Cấp bằng, huy chương
- ☐ Hồ sơ đầy đủ (Thư đủ hồ sơ)
- ☐ Computer

- Các thứ khác:

- ☒ Mẫu D
 - ☒ ODP list
 - ☒ Labels
 - ☒ Folder
 - ☒ Hồ sơ cần xerox
 - ☒ Hồ sơ đã chuyển ODP
- ngày 9/86



copy for file

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635

TELEPHONE: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

IV. # _____

VEWL. # _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

Applicant in Vietnam Nguyễn văn Diễn
Last Middle First

Current Address 274/12B F-9 TX Vinh Long Tinh Cửu Long Vietnam

Date of Birth 12-10-48 Place of Birth Ban An

Names of Accompanying Relatives/Dependents

Nguyễn Thị Giỏi 1949 wife Đàm Thị Lan 1955 cousin
Nguyễn Huy Bình 1971 son
Nguyễn Thị Hồng Thiêng 1976 daughter

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From _____ To _____

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

NAME	RELATIONSHIP	NAME	RELATIONSHIP
<u>Hùng Nguyễn</u>			
<u>Los Angeles Ca</u>			

Form Completed By:

F.V.P.P. Assn
Name

Address

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

9/30/86

PAGE 2

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): _____
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.

ADDITIONAL INFORMATION:

INTAKE FORM Mẫu DƠN VỀ LÝ LỊCH

NAME (TÊN TÙ NHÂN) : Nguyễn Văn Di Tề
Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 12 10 48
(NĂM, NƠI SINH ĐẸ) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : Male Female (Nữ) :

MARITAL STATUS : Single (Độc thân) : Married (có lập gia đình) :
(Tình trạng gia đình)

ADDRESS IN VIETNAM : 274/12B F.9 TX Vinh Long Cửu Long VN
(Dịa chỉ tại VN)

POLITICAL PRISONER (Có là Tử binh tại VN hay không) : Yes (Có) No (Không) :
: If yes (Nếu Có) : From (Từ) : To (Đến) :

PLACE OF RE-EDUCATION : Heepinh Phát camp - 7 days
CAMP (TRẠI TÙ)

PROFESSION (Nghề Nghiệp) :

EDUCATION IN U.S. : yes - 7 week training in Eglin Air Force B. FL.
(DU HỌC TẠI MỸ)

VN ARMY (Quân đội VN) : Rank (Cấp Bậc) :

VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ) : Date (Năm) :
(Trong chính phủ VN)

APPLICATION FOR O.D.P. : Yes (Có) : IV Number (số hồ sơ) : No (Không) :

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING : (Số người đi theo) :
(Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi bên sau với đầy đủ chi tiết.

MAILING ADDRESS IN VN :
(Dịa chỉ liên lạc tại VN)

NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE :
(Tên, Địa chỉ Thân nhân hay Người Bào Trò)

U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ) : No (Không) :

RELATIONSHIP WITH PRISONER : (Liên hệ với người ở VN) :

NAME AND SIGNATURE :
ADDRESS OF INFORMANT
(Tên, Địa chỉ, Chữ Ký, Điện thoại của người điền đơn này)

DATE :
Month (thang) Day (ngày) Year (năm)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): _____
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.

ADDITIONAL INFORMATION:



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635

TELEPHONE: 703-998-7850

IV. #

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

VEWL. #

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

Applicant in Vietnam

Nguyễn
Last

Vân
Middle

Diệu
First

Current Address 274/12^B F9 - TX. Vinh Long Tỉnh Cửu Long Việt Nam

Date of Birth 12-10-48 Place of Birth Tam An - Cửu Long Vietnam

Names of Accompanying Relatives/Dependents

Lâm Thị Hồng Lan 1955 cousin Nguyễn Thị Hồng Ch�ng 1976 dau.
Nguyễn Thị Liên 1949 wife
Nguyễn Huy Bình 1971 son

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From _____ To _____

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

NAME

RELATIONSHIP

NAME

RELATIONSHIP

Hung Nguyen

Los Angeles Ca

Form Completed By:

F.V.P.P. Assn.
Name

Address

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

9/30/86

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635
TELEPHONE:

Copy for file

Ngày 26 Tháng 9 năm 1986

Kính gửi : Ông Nguyễn Văn Diên
274/2B F.9 - Th. X. Vĩnh Long
Cần Long

Thưa Ông/Bà,

Chúng tôi rất cảm động khi nhận được thư của Ông/Bà
đến ngày.

Điều làm cho chúng tôi vui mừng hơn là được biết Ông/Bà
vẫn mạnh và kiên tâm chờ ngày đoàn tụ.

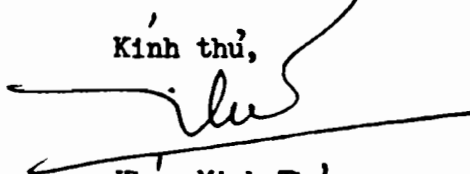
Mặc dù đường xa xôi, cách trở ngàn trùng, Ông/Bà vẫn
nhớ đến chúng tôi. Để đáp lại tình cảm đó, chúng tôi luôn
luôn lo xúc tiến công việc, hy vọng mọi diễn tiến điều hòa để
sớm đem lại kết quả mong muốn.

Tuy nhiên, chúng tôi thiện nghĩ chỉ lo dồn phùng được
những vấn đề về phía chúng tôi, còn phần bên phía Ông/Bà nên
tích cực từ lo về phần liên hệ của mình thì mới mong có kết
quả tốt đẹp.

Hơn nữa, chúng tôi cũng muốn lưu ý Ông/Bà, vấn đề kinh
tế không phải là một tiêu chuẩn, vì vậy ta nên tranh để cấp
tới. Mong Ông/Bà hiểu cho điều này.

Câu chúc Ông/Bà may mắn và xin gửi vững niềm tin.

Kính thư,



Khúc Minh Thở

SỰ VỤ LỆNH

MISSION ORDER

VIỆT NAM CỘNG HÒA

REPUBLIC OF VIETNAM

BỘ QUỐC PHÒNG

MINISTRY OF DEFENSE

Số

QP/TCCT/HCI/A /

No

HUOI BAY (17) quan nhan co ten ghi sau :

Tổng Trưởng Quốc Phòng cho phép:

Thượng Sĩ	NGUYỄN VĂN TÙNG	Số 55/600.451	Trung Sĩ	NGUYỄN VĂN ĐIỀU	Số 68/600.1
Trung Sĩ	TRẦN TÂM	" 64/600.870	"	NGUYỄN TINH	" 64/601.2
Trung Sĩ	VUONG LOC	" 67/600.310	Ha Sĩ I	NGUYỄN HỒNG PHÚC	" 64/600.1
"	THAI VAN TONG	" 66/601.299	Ha Sĩ	TRẦN HỮU KHIÊM	" 69/600.1
"	NGUYỄN HUU THO	" 64/601.203	"	LUONG CÔNG KỲ	" 71/600.1
"	LE VAN TO	" 65/600.643	"	NGUYỄN KIM THIÊN	" 69/600.1
"	PHAN VAN LAC	" 70/601.809	"	BUI QUANG TRUNG	" 70/600.1
"	TRẦN VĂN HUNG	" 70/601.906	Binh 1	TRẦN THANH BA	" 72/603.1
		17/-	"	LAM VAN BAY	" 71/606.1

tu SAIGON đến HOA KỲ ghi Phi Luật Tân và trở về.

Đề di

To

Lý do

Purpose of travel

3451

3

25/4/1972

Tham chiến : PDT S6

/TTM/TCQH/DHHL/KQ ngày

Phương tiện chuyên chở :

Phi cơ quân sự Hoa Kỳ.

Means of Transportation

BAY (7) HUOI BAY

Thời gian công tác :

Duration of mission

03/05/1972

Ngày đi :

Date of departure

MACV đại (ho)

Phi khoản công vụ sẽ do (*)

Expenses to be incurred in the accomplishment of the mission will be borne by

GHI CHÚ :

Note

Yêu cầu các nhà chức trách Quân Dân Chính dành mọi sự dễ dàng cho (các đương sự để làm tròn nhiệm vụ do Chính Phủ Việt Nam giao phó.

Civilian and military Authorities are requested to assist the above mentioned individual (s) in the accomplishment of the mission assigned by the Government of Vietnam.

NƠI NHẬN :

- Bộ TTM, Tổng Cục Quân Huấn
- Bộ Tư Lệnh Không Quân (2b)
- Sở Ngoại Giao (Nhà Pháp Lý - HC - VH và LS)
- Trăn trọng yêu cầu Quý Bộ cấp sự đồng hành cho các đương sự
- Phòng Tùy Viên Quân Lực Hoa Kỳ tại Việt Nam Cộng Hòa tại (qua Bộ Ngoại Giao)
- Cục An Ninh Quân Đội
- Phòng Sưu Tầm/BQP
- Hồ sơ - Lưu



TL. TONG TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Đã ký : TON THẤT CHUOC

Sau ý BAN CHANH :

KBC. 3011 ngày 01/05/1972

Trung Tá NGUYỄN KHOA DIEM

Trưởng Phòng Chuyên Văn/HĐHQ

LSM

AN QUAN KHÔNG QUAN

QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
— TÔNG-THAM-MU
KHÔNG-QUÂN

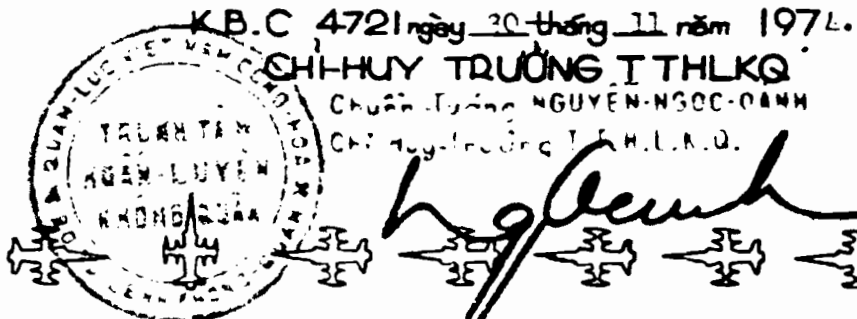


TRUNG-TÂM HUẤN-LUYỆN KHÔNG-QUÂN
VĂN-BĂNG

Chứng nhận khóa sinh TRUNG-SĨ NGUYỄN VĂN ĐIỀU 68/600.415
GẤP BẬC HỌ VÀ TÊN SỐ QUÂN
đã theo học có kết quả khóa 2/74 COET IQ. PHẦN LỰC chỉ số 43.171 C
tổ chức tại TRUNG ƯƠNG KỸ THUẬT /TTHLKQ từ 07-09-74 đến 20-11-74
TRƯỞNG

GIÁM-ĐỐC
Trung-Tâm NGUYỄN-VĂN-KIÊN
Giám Đốc Trung Ương Kỹ-Thuật

SỐ 6247



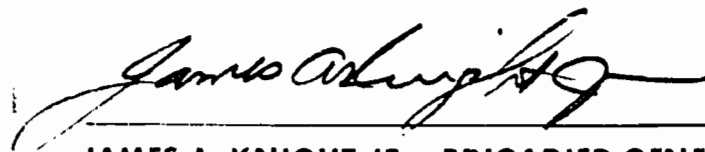
★ ★ Certificate of Recognition ★ ★

Presented To

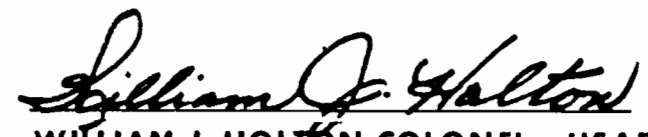
SSGT NGUYEN VAN DIEU

*for his valuable participation and
achievement in support of project*

Credible Chase



JAMES A. KNIGHT JR, BRIGADIER GENERAL, USAF
COMMANDER SPECIAL OPERATIONS FORCE



WILLIAM J. HOLTON COLONEL, USAF
COMMANDER CREDIBLE CHASE TASK FORCE

THE UNITED STATES AIR FORCE

Certifies that

Trung - Si : NGUYEN - VAN - DIEU

So Quan : 68/600.415

has successfully completed the

AIRCRAFT MAINTENANCE TECHNICIAN (PEACEMAKER) COURSE 4AST 43.171R-30 PDS MI5

VNAF TECHNICAL TRAINING SCHOOL CREDIBLE CHASE MOBILE TRAINING TEAM/TSN AB RVN

and is herewith awarded this

CERTIFICATE of TRAINING

Willie H. Farmer Jr.

WILLIE H. FARMER JR. MSGT USAF

TEAM CHIEF CREDIBLE CHASE MTT



08 SEP 68

Date

THE UNITED STATES OF AMERICA

SSGT DIEU, NGUYEN VAN 68/600.415

has successfully completed
Seven (7) weeks practical training as Aircraft Maintenance
Specialist 43151 (AU-23A Aircraft)

and is herewith awarded this

CERTIFICATE OF TRAINING

Ronnie J. Mull

RONNIE J. MULL, Captain, USAF
4400th SOS (P) Eglin AFB, FL
Maintenance Officer
28 June 1972



UNITED STATES AIR FORCE

Certifies that

Trung - Si : NGUYEN - VAN - DIEU

So Quan : 68/600.415

has successfully completed the

AIRCRAFT MAINTENANCE TECHNICIAN (PRACEMAKER) COURSE 4AST 43.171E-30 PDS MI5

VNAF TECHNICAL TRAINING SCHOOL CREDIBLE CHASE MOBILE TRAINING TEAM/TSN AB RVN

and is herewith awarded this

CERTIFICATE of TRAINING

Willie H. Farmer Jr.

WILLIE H. FARMER JR. MSGT USAF

TEAM CHIEF CREDIBLE CHASE MTT



Date

close association with the US, I am just fully
dependent on you to make me and my family benefit
from your humanitarian actions by helping us to
leave VN under your protection and to immigrate
to the US.

Please find below a summary of my personal
background.

- Full Name: DIEU-NGUYEN HAN

- BN: 681600415

- Date of birth: 10 - 12 - 1948

- Place of birth: VINH LONG

- Nationality: VIET-NAM

- Present address: 274/12¹³ PHUONG 9 THI XA
VINH LONG TINH GOU LONG

- Volunteer NNAF / Fifth Division on April 1967
(TAN SON NHAT Air base)

- Courses followed:

- Aircraft mechanics 1/69

MOS 43131C

- Elementary Aircraft maintenance Technical

MOS 43151C FS

- Aircraft maintenance technical (peace maker)

MOS 43151

- HIGH Grade Aircraft maintenance technical

MOS 43171C FS

- HIGH Grade Aircraft maintenance technical
(peace maker) Course 4AST

MOS 43171E-30 PDS ML5

- Aircraft maintenance specialist

MOS 43151 (AV-23A Aircraft) at Eglin AFB
Florida USA

On 2nd May 1986 WA-08-1986

To: The BREEDS SEPARATION PROGRAM OFFICE
118-119-120 SINGAPORE SOUTH SATHORN Road
(BANK FOR 1120 THAILAND)

Subject: Request for an entry visa to the USA
Reference: Agreement on Seven points Program
Between the H.C.R. and the Government of Vietnam
1979

Dear Sir,

I undersigned NGUYEN-VAN-DIEU

Birth day: 10-12-1948 at TAN AN Village Vinh Long
Province was an NCO of the VNAF grade: Master-Sergeant
SN: 68/600415 Serving in the VNAF up the date of 30-04-1975
Not so long after that date, I was sent to the concentration
camp for one week

I have the honor to solicit your intervention with the
VN Authorities and the government of the United States
for myself and my immediate dependents to leave VN
for permanent resettlement in the US

Because job availabilities here are very restricted
I am finding it increasingly difficult if not impossible
to earn a living for me and for my family members

Since it has been announced that your
office is offering its service to assist a number
of people to legally leave VN as I was formerly
working

Certificate of Appreciation

James A. Knight Jr. Brigadier General
Commander Special Operations Task Force
J. Holton Colonel USAF Command

Last location in the UNAF
UNAF Division Phu Cat Air Base

My family consist of following

Full name	Date of birth	place of birth	Gender
NGUYEN THI LIEU	04-11-1949	Wong	Woman
NGUYEN Huy BINH	13-11-1971	TRAI VINH	Boy
NGUYEN THI NONG THUONG	12-04-1976	F9 TXVL CUI LONG	girl
LAM - THAI LAN	1955	F9 TX VINH LONG XAN JUC HUYEN LONG HO	Woman

Relative to accompany me
LAM THI LAN 421 apt PHUOC Hoa La Long - HO - TINH CUI LONG

In anticipation of a favorable
request accept my sincere appreciation
Respectfully yours

- HUNG NGUYEN.

2743 COLBY AVE

LOS ANGELES CA. 90064 USA

NGUYEN - THI - PHUONG-DUNG

6621 SCHOOL CIRCLE

RIVER SIDE CA. 92506 USA

F) SERVICE WITH GVN OR RNN AF by you or your spouse

1) NGUYEN - VAN - DIEU

2) 10 - 12 - 1948

3) 3 - 14 - 1967 - 30 - 04 - 1975

4) TRUNG SI I

5) SỞ ĐÀN 6 căn cứ 60 chiến thuật KHÔNG QUÂN

6) Chuẩn Tiểu Sam. Đại tá NGUYEN - HONG - TUYEN

7) Vị chức sắc chất vật vận tải miền Bắc định cư ở miền Nam

8) J. W. L. Schmitt căn cứ 60 chiến thuật LSI phân cắt

Và về Hoa Kỳ trước 30 - 04 - 1975

J. W. L. Schmitt 432201320

AFAT - G - Det 2 - Box 2104

SAN FRANCISCO AP 0 96485

9) US TRAINING Course in Vietnam

- Học viên. Học đi cùng huấn luyện viên, đi về tại Tân Cảng
Sân vận động CERTIFIED THAI

chiếu 43 - 151 F - 30 PDS M15

- Do Willie H. Fanne WILHEA FORMER TR. MSET USAF

TEAM. CHIEF CREDIBLE CHASE MTT 1972

- Học viên huấn luyện tại Hoa Kỳ

chiếu 43 - 171 F

- Do RONNIE J. MULL captain

4200th SOS (P) Eglin AFB. Florida 1972

- CERTIFICATE of RECOGNITION

- Do JAMES A. KNIGHT JR. BRIGADIER GENERAL. USAF

COMMANDER SPECIAL OPERATIONS FORCE

- Do WILLIAM J. HOLTON COLONEL USAF

COMMANDER CREDIBLE CHASE TASK FORCE

Questionnaire For ODP Applicants

Date City Cũ Long ngày 14-08-1986

A. Basic Identification data

1) NGUYỄN-VĂN-ĐIỀU (ĐIỀU NGUYỄN-VĂN)

2) other names: không

3) Date place of Birth: 0

10-12-1948 - TÂN-AN (F9TXVL) VINH LONG (Cũ LONG)

4) Residence address:

274/12^B: F9 TX VL. TỈNH Cũ LONG

5) Mailing address:

274/12^B F9 TX VL TỈNH Cũ LONG

6) Current occupation:

Thợ điện

B) Relatives to Accompany me

LÂM-THỊ-HỒNG-LAN (LÂM-THỊ LAN)

421 ấp Phước Hòa xã Lộc Hòa Huyện Long Mỹ - Cũ LONG

NGUYỄN-THỊ-LIỀU 04-01-1949 NỮ

NGUYỄN-HUY-BÌNH TRẦN-VĨNH 13-11-1971 NAM

NGUYỄN-THỊ-MỘNG 12-04-1976 NỮ

THƯỜNG

F9 TX VINH LONG

LÂM-THỊ-LAN

1955

AN ĐỨC H. LONG H.

NỮ

EM HO

C) Relatives outside Việt Nam

NGATHAO 866 LANARK

cos SARNIA ONTARIO N7S4E4 CANADA

1) closest relatives in the US

HÙNG NGUYỄN

LOS ANGELES

USA

- Bảng cáo tổng và đi = liên liên tại địa phương
chỉ số 43171C

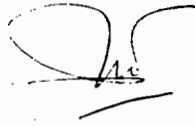
D = chuẩn bị NGUYỄN NGỌC - CẢNH KỲ 30-11-1974

REEDUCATION of you or your spouse

NGUYỄN VĂN ĐIỀU.

Học tập cải tạo tại Huyện PHước
thời gian như liên là 7 ngày

NGUYỄN VĂN ĐIỀU



- HUNG NGUYEN.

2743 CALBY AVE

LOS ANGELES CA. 90064 USA

NGUYEN - THI - PHUONG-DUNG

6621 SCHOOL CIRCLE

RIVER SIDE CA. 92506 USA

F1 SERVICE WITH GVN OR RNN AF by you or your spouse

1) NGUYEN - VAN - DIEM

2) 10-12-1948

3) 3-14-1967 - 30-04-1975

4) TRUNG SI I

5) SỞ Đ-AN 6 căn cứ 60 chiến thuật KHÔNG QUÂN

6) Chiến Tướng Sơn. Đại tá NGUYEN-HONG-TUYEN

7) Vì đời sống chết vật anh tôi anh được anh của anh

8) J. W. L. Schmitt còn anh chiến thuật LSI phân cắt

Vũ Vũ Hoa Kỳ từ 30-04-1975

J. W. L. Son 432201320

AFAT-6-DET 2 - BOX 2104

SAN FRANCISCO AP 96485

9) US TRAINING Course in Vietnam

- KH-1, huấn luyện ở cùng huấn luyện viên tại căn cứ Tân
Bân ulat 3 CERTIFIED THAT

chi 25' 43-151 F-30 PDS M15

- D- Willie H. Fanne WILHE FARMER TR. MSET USAF
TEAM. CHIEF CREDIBLE CHASE MTT 1972

- Khoa huấn luyện tại Hoa Kỳ

chi 25' 43-171 F

- D- RONNIE J. MULL captain

4400th SOS (P) Eglin AFB. Florida 1972

- CERTIFICATE of RECOGNITION

- D- JAMES A. KNIGHT JR. BRIGADIER GENERAL USAF
COMMANDER SPECIAL OPERATIONS FORCE

- D- WILLIAM J. HOLTON COLONEL USAF

COMMANDER CREDIBLE CHASE TASK FORCE

Questionnaire For CP Applicants

Date City Council Meeting: 14-08-1986

A Basic Identification Data

1. Nguyen Van Dien (Điền Nguyễn Văn)

2. Other names: None

3. Date Place of Birth: 10-12-1948

4. Residence address: 10-12-1948 - Tân An (Phạm Văn) Vinh Long (Cố Long)

5. Marriage address: 29/4/12: Phạm Văn Vinh Long

6. Current occupation: 29/4/12: Phạm Văn Vinh Long

7. Relatives to accompany me: The wife

B. Relatives to accompany me

LAM Thi Hong (Lam Thi Hong) 29/4/12: Place Hoa Xa Loc Hoa Vinh Long - Cao Long

Nguyen Thi Lien: 24-01-1949 - None

Nguyen Huy Binh: 19-11-1971 - None

Nguyen Thi Hong: 12-04-1976 - None

LAM Thi Lan: 1955 - None

AN-306 Hong Hoi: 1955 - None

Relative outside Viet Nam: None

C. Relative outside Viet Nam

NGUYEN THI HONG 846 LAM HAI

Cas SA KHAI CHIAI N 75454 CP NADH

1. Contact address in the US

Hong Nguyen

10970 PLMS 1311-08

Los Angeles CA 90031 USA

- Bằng cấp tổng và đủ = liên liên tại nhà máy
chỉ số 43171C

Đo chuẩn tiếng NGUYỄN NGỌC - CẤP 11 - 1974

REEDUCATION - for you & your spouse

NGUYỄN - VĂN - DIỆU.

Học tập cải tạo tại Huyện Phái
thời gian liên lạc 7 ngày

NGUYỄN - VĂN DIỆU



(3)
- Certificate of Recognition recognised by
James A. Knight Jr. Brigadier General, USAF
Commander Special Operation Force and William
J. Holton Colonel USAF Commander Audible Close
Task Force

- Last location in the UNAF - 6th
UNAF Division PHU CAT Air Base

- My family consist of following members:

Full name	Date of birth	Place of birth	Relationship
NGUYỄN THỊ LIỄU	04-11-1949	Woman	Sister
NGUYỄN HUY BÌNH	13-11-1971	Boy	Son
NGUYỄN THỊ NÔNG THƯỜNG	F9 TXVL CỦU LONG 12-04-1976	Girl	Son
LÂM THỊ LAN	F9 TX VINH LONG 1955	Woman	Con in law
	XÃN ĐỨC HUYỆN LONG HỒ		

Relative to Accompany me

LÂM THỊ LAN 421 ấp PHước Hòa xã Lộc Hòa Huyện
LONG-HỒ - TỈNH CỬU LONG

I'm anticipation of a favorable answer to my
request accept my sincere gratitude

Respectfully yours.

DEPARTMENT OF THE AIR FORCE
HEADQUARTERS USAF SPECIAL OPERATIONS FORCE (TAO)
EGLIN AIR FORCE BASE, FLORIDA 32542

SPECIAL ORDER
TC-59

7 June 1972

The Secretary of the Air Force of the United States invites the following named personnel, Vietnamese Air Force, to proceed from Eglin AFB, Florida, on or about 3 Jul 1972, to Travis AFB, California, reporting not later than 0800 hours, 8 Jul 1972, for departure to homeland as indicated.

Project: VS 72-103-F.

- NOTE: 1. Each student is required to carry a tool box from training location.
2. Students are authorized 200 lbs baggage including excess.
3. Students are required to have appropriate work clothing, i.e., fatigues, field jackets, boots, rain coats, and fatigue hat.

Th/Si	(MSgt)	CHACH, Nguyen Chu	58/600.354	(Tng 21-86 VS, Ln 67)
HS I	(Sgt)	BAI, Ha Van	71/602.198	(Tng 21170VS, Ln 54)
HS I	(Sgt)	DINH, Nguyen Ngoc	69/600.010	(Tng 21169VS, Ln 53)
Tr/Si	(SSgt)	NGOC, Pham Quang	65/601.075	(Tng 21168VS, Ln 52)
Tr/Si	(SSgt)	HUAM, Ngo	67/601.024	(Tng 21167VS, Ln 51)
Tr/Si I	(TSgt)	TANH, Vo Huu	59/600.159	(Tng 21166VS, Ln 50)
Tr/Si	(SSgt)	TINH, Nguyen	64/601.326	(Tng 21202VS, Ln 77)
H/S	(ALC)	KHIEM, Tran Huu	69/600.904	(Tng 21203VS, Ln 78)
Tr/Si	(SSgt)	DIEU, Nguyen Van	68/600.415	(Tng 21204VS, Ln 79)
H/S	(ALC)	KI, Luong Cong	71/600.519	(Tng 21205VS, Ln 80)
Tr/Si	(SSgt)	HUNG, Tran Van	70/601.906	(Tng 21200VS, Ln 110)
Tr/Si	(SSgt)	THO, Nguyen Huu	64/601.203	(Tng 21208VS, Ln 83)
HS I	(Sgt)	PHUC, Nguyen Hong	64/600.787	(Tng 21209VS, Ln 84)
HS	(ALC)	BA, Tran Thanh	72/603.027	(Tng 21210VS, Ln 85)
Hinh I	(Amn)	LOC, Vo Van	72/603.762	(Tng 21196VS, Ln 99)
Tr/Si	(SSgt)	OH, To Van	66/600.924	(Tng 21193VS, Ln 72)
Tr/Si	(SSgt)	HUYEN, Huynh Van	69/600.012	(Tng 21194VS, Ln 73)
H/S	(ALC)	VAN, Nguyen Ngoc	69/601.280	(Tng 21195VS, Ln 74)

FLIGHT	TIME	DATE	PLACE DEPARTURE
F-2A3	1000	8 Jul 1972	Travis AFB, California

Items on reverse side of order apply: 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 13, 15 and 16

Students were last paid living allowances to include 2400 hours, 8 Jul 72 by Allen Duncan, Major, USAF, Symbol S527900.

Cost of living and travel allowances are chargeable to: 5723400 302 6415 134950 10 407 408 409 454 462 S525003 CIC 44 264 1049 S525003 thru 30 Jun 72 and 5733400 303 6415 134950 10 407 408 409 454 462 S525003 CIC 44 364 1049 S525003, effective 1 Jul 72. Finance Officer making payment on these orders will forward copies of paid vouchers to ATC (ATAAF-R), Randolph AFB, Texas 78148.

Students are authorized 3 days delay enroute to PAE.

AUTHORITY: AFM 50-29 and ATC/FAK Msg P 192100Z NOV 71.

FOR THE COMMANDER

John S. Connors
JOHN S. CONNORS, Lt Colonel, USAF
Director Personnel & Administration, CCTF

DISTRIBUTION:
30 - Ea Indiv
2 - Hq USAF (AFMSB), (AFNIC)
2 - Hq ATC (FAK), (ATAAF-R)
5 - Vietnamese Embassy
5 - 4582 STSq
1 - File
"A"

TC-59

Contained In the Order Are Applicable.

1. Transportation provided at MAP expense will be consistent with provisions of AFM 75-4, AFR 76-6 and 76-15.
2. When travel is by air, 100 pounds of baggage, including excess is authorized.
3. Fifty pounds of instructional materiel is authorized to be shipped at MAP expense, via surface means from the last training location.
4. Travel by military or commercial air, commercial rail, bus, or ship is authorized at MAP expense.
5. Travel within CONUS by military or commercial air, commercial rail, or bus is authorized at MAP expense.
6. Living and travel allowances will be as authorized by AFM 50-29.
7. Student is not permitted by his government to purchase an automobile.
8. Student is not permitted by his government to travel by POV while in the CONUS.
9. Student may be authorized delay enroute (not to exceed 3 days) by ATC, from the last CONUS training location to the POE/PAE.
10. Student may not be authorized delay enroute from the last CONUS training location to the POE/PAE.
11. Dependents are not authorized by the Vietnamese Air Force to accompany or join the student while in training in the US. Dependent privileges defined in AFR 30-20 are not authorized.
12. Security clearance(s) has (have) been obtained from the Vietnamese Government.
13. The objectives of this (these) assignment(s) are to train the individual(s) in the adequate use of equipment being furnished him (their) government by the US.
14. This (these) assignment(s) is (are) not related to equipment being furnished him (their) government by the US, but is (are) in connection with the US Military Assistance Program.
15. Medical certification, as required by AFM 50-29, has been received from the Vietnamese Government.
16. The US Government absolves itself from any blame or financial responsibilities for injuries received by the student while in transit or undergoing training, or from responsibility for personal or damage claims resulting from the student's actions.

INSTRUCTIONS:

- a. Passports and Visas Are (Not) Required. Acquisition of requirements is the responsibility of the Vietnamese Government.
- b. Financial Responsibility. Student(s) will possess necessary funds in US dollars or acceptable dollar instruments to defray all expenses until receipt of first living allowance payment.
- c. Postal Service. Student(s) should advise interested parties to address mail to him as follows: Name, grade, service number, name and location of the base and organization to which assigned for training.
- d. Billeting and Messing Fees. While in training, officer personnel will personally defray these fees. Enlisted personnel are authorized Government quarters and meals at no expense to the individual, except in travel (per diem) status when they will personally pay the cost of mess.

QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỔNG-THAM-MU
KHÔNG-QUÂN



TRUNG-TÂM HUẤN-LUYỆN KHÔNG-QUÂN
VĂN-BĂNG

Chứng nhận khóa sinh TRUNG-SĨ NGUYỄN VĂN ĐIỀU 68/800.415
CẤP ĐỘ HỌ VÀ TÊN SỐ QUÂN

đã theo học có kết quả khóa 1/74 CERT PG. PHÂN LỰC chỉ số 43.171 C

tổ chức tại TRUNG TÂM KỸ THUẬT / TTHLKQ từ 07-08-74 đến 20-11-74
TRƯỜNG

GIÁM-ĐỐC
Trung-Tâm NGUYỄN-VĂN-KIỆN
Giám Đốc Trung Kỹ-Thuật

SỐ 68/800.415



KB.C 4721 ngày 20 tháng 11 năm 1974.

CHỈ-HUY TRƯỞNG TTHLKQ

Chuẩn-Trưởng NGUYỄN-NGỌC-DANH

Chỉ-Huy-Trưởng TTHLKQ

Nguyen

X

QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỔNG-THAM-MU
KHÔNG-QUÂN



TRUNG-TÂM HUẤN-LUYỆN KHÔNG-QUÂN
VĂN-BĂNG

Chứng nhận khóa sinh TRUNG-SĨ NGUYỄN VĂN ĐIỀU 68/800.415
GẤP ĐỘ MỘ VÀ TÊN SỐ QUÂN

đã theo học có kết quả khóa 3/74 CPT PG. PHÂN LỰC chỉ số 43.171 C

tổ chức tại TRUNG TÂM KỸ THUẬT / TTHLKQ từ 07-08-74 đến 20-11-74
TRƯỜNG

GIÁM-ĐỐC
Trung-Tâm NGUYỄN-VĂN-KIỆN
Giáo Đốc Trung-Kỹ-Thuật

SỐ 68/800.415



K.B.C 4721 ngày 20 tháng 11 năm 1974.

CHỈ-HUY TRƯỞNG TTHLKQ
Chuẩn-Isang NGUYỄN-NGOC-DANH
Chỉ-Huy-Trưởng TTHLKQ

Handwritten signature of the Commanding Officer.

Large handwritten X mark.

Chị 1 h3

Em là em của anh Hai Mân 3² Vĩnh Long
gđ: đang cho đi 25' h3. 23 nhỏ gđ chị Vui, h3
chuyên giúp cho em h3. 23 này tên chứng tích
ĐP. Khi đi h3 báo cho em biết qua địa chỉ
của em 3² 25'. NGUYỄN VĂN ĐIỀU

- 276/12^B F9 TX VL tỉnh Cần Long.

Thành Hát biết 3u đi. Mong tìm đi.

Cố LỘN CITY NGÀY 14-08-1986

TO THE DIRECTLY DEPARTURE PROGRAM OFFICE
131 SAI TIEN SIANG - SOUTH SATHORN Road
BANGKOK 10120 THAILAND

Subject: Request for an entry visa to the USA

Reference: Agreement on Seven points Program
Between the Ho R and the Government of Vietnam
1979

Dear Sir

I undersigned: NGUYEN - VAN - DIEU

Birth day: 10-12-1948 at TAN AN Village Vinh Long
Province was an NCO of the VNAF grade: Master-Sergeant
SN: 68/600415 Servicing in the VNAF up the date of 30-04-1975
Not so long after that date, I was sent to the concentration
camp for one week.

I have the honor to solicit your intervention with the
VN Authorities and the government of the United States
for myself and my immediate dependents to leave VN
for permanent resettlement in the US

Because job availabilities here are very restricted
I am finding it increasingly difficult, if not impossible
to earn a living for me and for my family members

Since it has been announced that your
office is offering its service to assist a number
of people to legally leave VN as I was formerly
working

in close association with the US, I respectfully request you to make me and my family benefit from your humanitarian actions by helping us to leave VN under your protection and to emigrate to the US.

Please find below a summary of my personal background.

- Full NAME: DIEU-NGUYEN-VAN
- SN: 68/600413
- Date of birth: 6-12-1948
- Place of birth: VINH LONG
- Nationality: VIET-NAM
- Present address: 274/12^B PHUONG 9 THIA VINH LONG TINH COU LONG
- Volunteer VNAF / Fifth Division on April 1967 (TAN SON NHAT Air base)
- Courses followed:
 - Aircraft mechanics 1/69 MOS 43131C
 - Elementary Aircraft maintenance technical MOS 43151E FS
 - Aircraft maintenance technical (peacemaker) MOS 43151
 - HIGH Grade Aircraft Maintenance technical MOS 43171C FS
 - HIGH Grade Aircraft Maintenance technical (peacemaker) Course 4AST MOS 43171E-30 PDS ML5
 - Aircraft maintenance specialist MOS 43151 (AV-23A Aircraft) at Eglin AFB Florida USA

UNITED STATES AIR FORCE

Certifies that
Trung - Si : NGUYEN - VAN - DIEU

So Quan : 68/600.415

has successfully completed the

AIRCRAFT MAINTENANCE TECHNICIAN (PEACEMAKER) COURSE 4AST 43.171E-30 PDS HL5

VNAF TECHNICAL TRAINING SCHOOL CREDIBLE CHASE MOBILE TRAINING TEAM/TSN AB RVN

and is herewith awarded this

CERTIFICATE of TRAINING

Willie H. Farmer Jr.

WILLIE H. FARMER JR. MSGT USAF

TEAM CHIEF CREDIBLE CHASE MCT



Date

UNITED STATES AIR FORCE

Copy
SSGT DIEU, NGUYEN VAN 68/600.415

has successfully completed the

Seven (7) weeks practical training as Aircraft Maintenance
Specialist 43151 (AU-23A Aircraft)

and is herewith awarded this

CERTIFICATE of TRAINING

Ronnie J. Mull

RONNIE J. MULL, Captain, USAF
4400th SOS (P) Eglin AFB, FL
Maintenance Officer
28 June 1972

Date



SỰ VỤ LỆNH
MISSION ORDER

VIỆT NAM CỘNG HÒA
MINISTRY OF DEFENSE
OP/CTT/HCI/A /:

Tổng Trưởng Quốc Phòng cho phép:
Thượng tá TRẦN VĂN TÙNG
Trung tá TRẦN VĂN TÙNG
Trung tá VUONG LOC
THAI VAN TONG
NGUYEN HUU THO
LE VAN TO
PHAM VAN LAC
TRAN VAN HUNG

64/600.870 10/-
67/600.340 10/-
66/601.299 12/-
64/601.203 13/-
65/600.643 14/-
70/601.809 15/-
70/601.906 16/-

Ha Si
Binh 1

TRẦN VĂN DIỆU 68/600.1
NGUYỄN TÌNH 64/601.2
NGUYỄN HỒNG PHUO 64/600.1
TRẦN HUU KHIEM 69/600.1
LUONG CUNG KY 71/600.1
NGUYỄN KIM THIEN 68/600.1
BUI QUANG TRUNG 70/600.1
TRẦN THANH BA 72/603.1
LÊ VĂN BAY 71/606.1

tu SAIGON đến HOA KỲ để nghiên cứu và trợ vu.

Đã đi Học khoa chuyên viên tại trường chương trình CREDIBLE CHANGE (chương trình MAP)

Purpose of travel 3451 35/4/1978

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

Tham gia PĐT S5

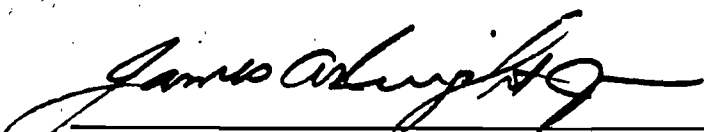
★ ★ Certificate of Recognition ★ ★

Presented To

SSGT NGUYEN VAN DIEU

*for his valuable participation and
achievement in support of project*

Credible Chase



**JAMES A. KNIGHT JR , BRIGADIER GENERAL, USAF
COMMANDER SPECIAL OPERATIONS FORCE**



**WILLIAM J. HOLTON COLONEL, USAF
COMMANDER CREDIBLE CHASE TASK FORCE**

QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
— TÔNG - THAM - MƯU
KHÔNG - QUÂN —



TRUNG-TÂM HUẤN-LUYỆN KHÔNG-QUÂN
VĂN-BĂNG

Chứng nhận khóa sinh TRUNG-SĨ NGUYỄN VĂN ĐIỀU 68/800.415
CẤP ĐỘ HỌ VÀ TÊN SỐ QUÂN

đã theo học có kết quả khóa 3/71 CDET PG. PHẦN LỰC chỉ số 43.171 C

tổ chức tại TRUNG TÂM KỸ THUẬT / TTHLKQ từ 02-02-71 đến 20-11-71
TRƯỞNG

GIÁM-ĐỐC
Trung-Tâm NGUYỄN-VĂN-KIÊN
Giáo Đốc Trung Kỳ-Thuật

SỐ 1234



K.B.C 4721 ngày 20 tháng 11 năm 1971.

CHỈ-HUY TRƯỞNG TTHLKQ

Chuẩn-Tướng NGUYỄN-NGỌC-DANH

Chỉ-huy-Trưởng T.H.L.N.Q.

Handwritten signature

DEPARTMENT OF THE AIR FORCE
HEADQUARTERS USAF SPECIAL OPERATIONS FORCE (TAC)
EGLIN AIR FORCE BASE, FLORIDA 32542

SPECIAL ORDER

TC-59

7 June 1972

The Secretary of the Air Force of the United States invites the following named personnel, Vietnamese Air Force, to proceed from Eglin AFB, Florida, on or about 3 Jul 1972, to Travis AFB, California, reporting not later than 0800 hours, 8 Jul 1972, for departure to homeland as indicated.
Project: VS 72-103-F.

- NOTE: 1. Each student is required to carry a tool box from training location.
2. Students are authorized 200 lbs baggage including excess.
3. Students are required to have appropriate work clothing, i.e., fatigues, field jackets, boots, rain coats, and fatigue hat.

Th/Si	(MSgt)	CHACH, Nguyen Chu	58/600.354	(Tng 21-86 VS, Ln 67)
HS I	(Sgt)	BAI, Ha Van	71/602.198	(Tng 21170VS, Ln 54)
HS I	(Sgt)	DINH, Nguyen Ngoc	69/600.010	(Tng 21169VS, Ln 53)
Tr/Si	(SSgt)	NGOC, Pham Quang	65/601.075	(Tng 21168VS, Ln 52)
Tr/Si	(SSgt)	HUAN, Ngo	67/601.024	(Tng 21167VS, Ln 51)
Tr/Si I	(TSgt)	TANH, Vo Huu	59/600.159	(Tng 21166VS, Ln 50)
Tr/Si	(SSgt)	TINH, Nguyen	64/601.326	(Tng 21202VS, Ln 77)
H/S	(ALC)	KHIEM, Tran Huu	69/600.904	(Tng 21203VS, Ln 78)
Tr/Si	(SSgt)	DIEU, Nguyen Van	68/600.415	(Tng 21204VS, Ln 79)
H/S	(ALC)	KI, Luong Cong	71/600.519	(Tng 21205VS, Ln 80)
Tr/Si	(SSgt)	HUNG, Tran Van	70/601.906	(Tng 21200VS, Ln 110)
Tr/Si	(SSgt)	THO, Nguyen Huu	64/601.203	(Tng 21208VS, Ln 83)
HS I	(Sgt)	PHUC, Nguyen Hong	64/600.787	(Tng 21209VS, Ln 84)
HS	(ALC)	BA, Tran Thanh	72/603.027	(Tng 21210VS, Ln 85)
Binh I	(Asst)	LOC, Vo Van	72/603.762	(Tng 21196VS, Ln 99)
Tr/Si	(SSgt)	ON, To Van	66/600.924	(Tng 21193VS, Ln 72)
Tr/Si	(SSgt)	HUYEN, Huynh Van	69/600.012	(Tng 21194VS, Ln 73)
H/S	(ALC)	VAN, Nguyen Ngoc	69/601.280	(Tng 21195VS, Ln 74)

FLIGHT	TIME	DATE	PLACE DEPARTURE
F-213	1000	8 Jul 1972	Travis AFB, California

Items on reverse side of order apply: 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 13
15 and 16

Students were last paid living allowances to include 2400 hours, 8 Jul 72 by Allen Duncan, Major, USAF, Symbol S527900.

Cost of living and travel allowances are chargeable to: 5723400 302 6415 134950 10 407 408 409 454 462 S525003 CIC 44 264 1049 S525003 thru 30 Jun 72 and 5733400 303 6415 134950 10 407 408 409 454 462 S525003 CIC 44 364 1049 S525003, effective 1 Jul 72. Finance Officer making payment on these orders will forward copies of paid vouchers to ATC (ATAAF-R), Randolph AFB, Texas 78148.

Students are authorized 3 days delay enroute to PAE.

AUTHORITY: AFM 50-29 and ATC/FAK Msg P 192100Z NOV 71.

FOR THE COMMANDER

John S. Connors
JOHN S. CONNORS, Lt Colonel, USAF
Director Personnel & Administration, CCTF

DISTRIBUTION:
30 - Ea Indiv
2 - Hq USAF (AFSMSB), (AFNIC)
2 - Hq ATC (FAK), (ATAAF-R)
5 - Vietnamese Embassy
5 - 4582 STSq
1 - File
"A"

TC-59

Contained In the Order Are Applicable.

1. Transportation provided at MAP expense will be consistent with provisions of AFM 76-4, AFR 76-6 and 76-15.
2. When travel is by air, 100 pounds of baggage, including excess is authorized.
3. Fifty pounds of instructional materiel is authorized to be shipped at MAP expense, via surface means from the last training location.
4. Travel by military or commercial air, commercial rail, bus, or ship is authorized at MAP expense.
5. Travel within CONUS by military or commercial air, commercial rail, or bus is authorized at MAP expense.
6. Living and travel allowances will be as authorized by AFM 50-29.
7. Student is not permitted by his government to purchase an automobile.
8. Student is not permitted by his government to travel by POV while in the CONUS.
9. Student may be authorized delay enroute (not to exceed 3 days) by ATC, from the last CONUS training location to the POE/PAE.
10. Student may not be authorized delay enroute from the last CONUS location to the POE/PAE.
11. Dependents are not authorized by the Vietnamese Air Force to accompany or join the student while in training in the US. Dependent privileges defined in AFR 30-20 are not authorized.
12. Security clearance(s) has (have) been obtained from the Vietnamese Government.
13. The objectives of this (these) assignment(s) are to train the individual(s) in the adequate use of equipment being furnished his (their) government by the US.
14. This (these) assignment(s) is (are) not related to equipment being furnished his (their) government by the US, but is (are) in connection with the US Military Assistance Program.
15. Medical certification, as required by AFM 50-29, has been received from the Vietnamese Government.
16. The US Government absolves itself from any blame or financial responsibilities for injuries received by the student while in transit or undergoing training, or from responsibility for personal or damage claims resulting from the student's actions.

INSTRUCTIONS:

- a. Passports and Visas Are (Not) Required. Acquisition of requirements is the responsibility of the Vietnamese Government.
- b. Financial Responsibility. Student(s) will possess necessary funds in US dollars or acceptable dollar instruments to defray all expenses until receipt of first living allowance payment.
- c. Postal Service. Student(s) should advise interested parties to address mail to him as follows: Name, grade, service number, name and location of the base and organization to which assigned for training.
- d. Billeting and Messing Fees. While in training, officer personnel will personally defray these fees. Enlisted personnel are authorized Government quarters and meals at no expense to the individual, except in travel (per diem) status when they will personally pay the cost of mess.